

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG THPT SỐ 1 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Số: 26/QĐ-S1NTMK

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bộ Quy tắc ứng xử dùng cho nội bộ trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho các quyết định trước đó và được áp dụng thực hiện cho các năm học tiếp theo.

Điều 3: Tất cả CB, GV, NV, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh, khách của nhà trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Niêm yết công khai trên website;
- Bảng tin nhà trường;
- Sở GD&ĐT; (để b/c)
- Lưu: VP.



Phan Kim Phụng

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT SỐ 1
NGUYỄN THỊ MINH KHAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 09 năm 2025

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

(Ban hành kèm theo QĐ số 26/QĐ- SỞINTMK, ngày 17/09/2025 của hiệu trưởng trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Bộ quy tắc này quy định quy tắc ứng xử trong trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai.
2. Bộ quy tắc này áp dụng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh trong nhà trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trong trường học

1. Điều chỉnh cách ứng xử của các thành viên trong cơ sở giáo dục theo chuẩn mực đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc, phù hợp với đặc trưng văn hóa của địa phương và điều kiện thực tiễn của nhà trường; ngăn ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả các hành vi tiêu cực, thiếu tính giáo dục trong nhà trường.

2. Xây dựng văn hóa học đường; đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trong Nhà trường

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật; phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc.
2. Thể hiện được các giá trị cốt lõi: Nhân ái, tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, trung thực trong mối quan hệ của mỗi thành viên trong cơ sở giáo dục đối với người khác, đối với môi trường xung quanh và đối với chính mình.
3. Bảo đảm định hướng giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, phát triển phẩm chất, năng lực của người học; nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trách nhiệm người đứng đầu nhà trường.
4. Dễ hiểu, dễ thực hiện; phù hợp với lứa tuổi và đặc trưng văn hóa của địa phương.
5. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội dung Bộ quy tắc ứng xử được thảo luận dân chủ, khách quan, công khai và được sự đồng thuận của đa số các thành viên trong nhà trường.

Chương II NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 4. Quy tắc ứng xử chung

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của công chức, viên chức, nhà giáo, người lao động, người học.
2. Thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực, quan tâm chia sẻ và giúp đỡ người khác.
3. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan cơ sở giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, xanh, sạch, đẹp.
4. Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh phải sử dụng trang phục lịch sự, phù hợp với môi trường và hoạt động giáo dục; nhân viên phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục và tính chất công việc; người học phải sử dụng trang phục sạch sẽ, gọn gàng phù hợp với lứa tuổi và hoạt động giáo dục; cha mẹ người học và khách đến trường phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục.
5. Không sử dụng trang phục gây phản cảm.
6. Không hút thuốc, sử dụng đồ uống có cồn, chất cấm trong nhà trường theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội, không sử dụng, lưu giữ, truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy độc hại.
7. Không sử dụng mạng xã hội để phát tán, tuyên truyền, bình luận những thông tin hoặc hình ảnh trái thuần phong mỹ tục, trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục của nhà trường.
8. Không gian lận, dối trá, vu khống, gây hiềm khích, quấy rối, ép buộc, đe dọa, bạo lực với người khác. Không gian lận thiếu trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục khác. Không tiếp tay, bao che cho những hành vi tiêu cực.
9. Không làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, người khác và uy tín của tập thể.
10. Không gây bè phái, cục bộ địa phương, làm mất đoàn kết tập thể và trong sinh hoạt tại cộng đồng.
11. Không sử dụng môi trường giáo dục của nhà trường để tuyên truyền phổ biến những nội dung trái với Chủ trương đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.
12. Không trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ, tự ý bỏ việc; không đi muộn về sớm, bỏ giờ, cắt xén, dồn ép chương trình vi phạm quy chế chuyên môn làm ảnh hưởng đến kỷ cương nề nếp của nhà trường.

Điều 5. Ứng xử trong hội họp, sinh hoạt tập thể

1. Nắm vững được nội dung, chủ đề cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chủ động chuẩn bị tài liệu và ý kiến phát biểu. Có mặt trước giờ quy định để ổn định tổ chức.

2. Trong hội họp; sinh hoạt tập thể cần:

a. Tắt điện thoại hoặc để chế độ rung không làm ảnh hưởng tới tập thể.

b. Giữ trật tự, tập trung theo dõi, nghe, ghi chép các nội dung cần thiết; không nói chuyện, làm việc riêng; không tự ý bỏ về khi cuộc họp chưa kết thúc, không ra ngoài, đi lại tùy tiện.

c. Phát biểu thảo luận theo điều hành của chủ tọa. Ý kiến phát biểu phải có tính xây dựng, thể hiện thành ý, nội dung phải trọng tâm. Tôn trọng ý kiến của nhau, có quyền bảo lưu ý kiến nhưng phải chấp hành ý kiến kết luận của chủ tọa hoặc nghị quyết của đại hội; tranh luận nhưng phải bảo đảm không khí đoàn kết, hòa thuận. Lời nói phải từ tốn, xưng hô phải lễ độ trong sáng, không được hàm hồ hoặc lợi dụng quyền được phát biểu để gây mất trật tự ảnh hưởng đến nội dung cuộc họp.

d. Phát biểu để phê bình tố cáo, khiếu nại phải thực hiện đúng quy định dưới sự điều hành của chủ tọa.

Điều 6. Ứng xử với nhân dân nơi cư trú

1. Gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân nơi cư trú thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước, và quy định của địa phương.

2. Kính trọng lễ phép với người già, người lớn tuổi. Cư xử đúng mực với mọi người. Tương trợ giúp đỡ nhau lúc khó khăn hoạn nạn, sống có tình có nghĩa với hàng xóm, láng giềng.

3. Không can thiệp trái pháp luật vào các hoạt động của các cơ quan tổ chức cá nhân nơi cư trú. Không tham gia kích động, bao che các hành vi trái với Pháp luật.

Điều 7. Ứng xử nơi công cộng, đông người

1. Thực hiện nếp sống văn hóa, thực hiện những quy tắc quy định nơi công cộng.

2. Giữ gìn trật tự, vệ sinh nơi công cộng. Kịp thời thông báo cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền các thông tin, hành vi trái pháp luật.

3. Không có hành vi trái với thuần phong mỹ tục, không phát ngôn bừa bãi.

Điều 8. Ứng xử của cán bộ quản lý nhà trường

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 5, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu; yêu thương,



trách nhiệm, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe và động viên, khích lệ người học. Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

3. Ứng xử với giáo viên, nhân viên: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, khích lệ, động viên; nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành trong công việc; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên; đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch. Không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

4. Ứng xử với cha mẹ người học: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác, chia sẻ, thân thiện. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà, vụ lợi. Ứng xử với khách đến làm việc với nhà trường: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, lịch sự, đúng mực. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 10. Ứng xử của giáo viên

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 5, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu, khen hoặc phê bình phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh; mẫu mực, bao dung, trách nhiệm, yêu thương; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, tư vấn, lắng nghe và động viên, khích lệ người học; tích cực phòng, chống bạo lực học đường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Không xúc phạm, gây tổn thương, vụ lợi; không trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của người học.

3. Ứng xử với cán bộ quản lý: Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện rõ chính kiến; phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

4. Ứng xử với đồng nghiệp và nhân viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, thân thiện, cầu thị, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng sự khác biệt; bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm của đồng nghiệp, nhân viên. Không xúc phạm, vô cảm, gây mất đoàn kết.

5. Ứng xử với cha mẹ người học: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, thân thiện, hợp tác, chia sẻ. Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi.

6. Ứng xử với khách đến nhà trường: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 11. Ứng xử của nhân viên

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 5, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung, giúp đỡ. Không gây khó khăn, phiền hà, xúc phạm, bạo lực.

3. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, hợp tác; chấp hành các nhiệm vụ được giao. Không né tránh trách nhiệm, xúc phạm, gây mất đoàn kết, vụ lợi.

4. Ứng xử với đồng nghiệp: Ngôn ngữ đúng mực, hợp tác, thân thiện. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết, né tránh trách nhiệm.

5. Ứng xử với cha mẹ người học và khách đến nhà trường: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 12. Ứng xử của người học trong nhà trường

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 5, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Kính trọng, lễ phép, trung thực, chia sẻ, chấp hành các yêu cầu theo quy định. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.

3. Ứng xử với người học khác: Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, trung thực, hợp tác, giúp đỡ và tôn trọng sự khác biệt. Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết; không bịa đặt, lôi kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm người học khác.

4. Ứng xử với cha mẹ và người thân: Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương.

5. Ứng xử với khách đến làm việc với nhà trường: Tôn trọng, lễ phép.

Điều 13. Ứng xử của cha mẹ người học

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, chia sẻ, khích lệ, thân thiện, yêu thương. Không xúc phạm, bạo lực.

3. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Điều 14. Ứng xử của khách đến cơ sở giáo dục

1. Thực hiện ứng xử đúng theo điều 4, 6 và điều 7 quy định này.

2. Ứng xử với người học: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, thân thiện. Không xúc phạm, bạo lực.

3. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Đúng mực, tôn trọng. Không bịa đặt thông tin. Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của ban lãnh đạo

1. Chỉ đạo Nhà trường tổ chức triển khai, thực hiện quy định này tại đơn vị.

2. Chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt nội dung Bộ Quy tắc ứng xử trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Chỉ đạo các tổ chức nhà trường kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử.



4. Chỉ đạo công khai Bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại bảng tin của nhà trường.

5. Tổ chức thực hiện, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử với cấp quản lý trực tiếp theo định kỳ mỗi năm học.

6. Chỉ đạo việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với các cá nhân, tập thể trong triển khai Bộ Quy tắc ứng xử theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm các tổ chức đoàn thể, cá nhân

1. Các tổ chức đoàn thể phối hợp tuyên truyền phổ biến các nội dung của bộ Quy tắc ứng xử đến tận cán bộ viên chức, người lao động.

2. Các tổ trường chuyên môn: Xây dựng kế hoạch thi đua, chấm công, nhận xét đánh giá chặt chẽ đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ.

3. Các giáo viên chủ nhiệm: Phối hợp tuyên truyền phổ biến các nội dung của bộ Quy tắc ứng xử đến tận học sinh, cha mẹ học sinh.

4. Lãnh đạo, giáo viên, nhân viên, học sinh, các cá nhân liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và thực hiện tốt, nghiêm túc bộ Quy tắc ứng xử này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có sự chưa hợp lý, hay có sự thay đổi, điều chỉnh hoặc có văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý thì bộ Quy tắc ứng xử sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

HIỆU TRƯỞNG



B Phan Kim Phụng